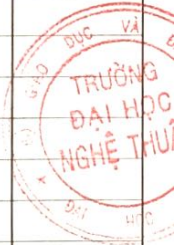


**DANH SÁCH ĐIỂM THI**  
**KỶ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CÁC MÔN NĂNG KHIẾU - ĐỢT 1, NĂM 2022**

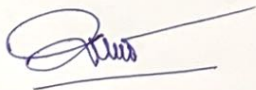
TT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi 1	Điểm NK1	Môn thi 2	Điểm NK2	Ghi chú
1	D1001	Nguyễn Thành An	19/04/2004	Nam	Hình họa	9.0	Trang trí	9.0	
2	D1002	Nguyễn Duy Tâm Bảo	14/02/2004	Nam	Hình họa	8.5	Trang trí	8.0	
3	D1003	Nguyễn Châu Thanh Bình	03/02/2003	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	8.5	
4	D1004	Nguyễn Linh Chi	06/04/2001	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
5	D1005	Ngô Thùy Dung	07/12/2004	Nữ	Hình họa	9.0	Trang trí	8.5	
6	D1006	Lê Thị Ngân Giang	13/04/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	9.0	
7	D1007	Đàm Khánh Hà	22/06/2004	Nữ	Hình họa	9.0	Trang trí	8.5	
8	D1008	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	14/07/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	8.5	
9	D1009	Lê Văn Huy	06/03/2004	Nam	Hình họa	8.5	Trang trí	8.5	
10	D1010	Nguyễn Khánh Huyền	07/12/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
11	D1011	Đinh Thị Như Huyền	11/01/2004	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	8.0	
12	D1012	Phan Sông Hương	05/05/2004	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	8.5	
13	D1013	Phan Thiên Kim	11/11/2004	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	7.5	
14	D1014	Nguyễn Phước Vĩnh Khang	11/01/2004	Nam	Hình họa	8.0	Trang trí	8.0	
15	D1015	Trần Ngọc Đăng Khoa	01/01/2004	Nam	Hình họa	8.0	Trang trí	9.0	
16	D1016	Nguyễn Phước Nhã Khuê	04/01/2004	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	8.5	
17	D1017	Trần Thị Diệu Linh	08/04/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
18	D1018	Trần Diệu Linh	17/11/2004	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	8.5	
19	D1019	Lê Quang Minh	02/08/2004	Nam	Hình họa	v	Trang trí	v	
20	D1020	Bùi Thị Trà My	29/09/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
21	D1021	Nguyễn Thị Thanh Na	08/07/2003	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	8.5	
22	D1022	Lê Thị Thanh Nga	13/12/2004	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	8.5	
23	D1023	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/01/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	9.0	
24	D1024	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	01/03/2004	Nữ	Hình họa	9.0	Trang trí	8.5	
25	D1025	Phạm Trần Thảo Nguyên	10/03/2004	Nữ	Hình họa	9.0	Trang trí	8.5	
26	D1026	Trương Thanh Nhã	29/09/2004	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	8.5	
27	D1027	Hồ Thị Huyền Nhi	24/12/2003	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	8.5	
28	D1028	Nguyễn Thị Yến Nhi	14/02/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
29	D1029	Võ Thị Hà Nhi	07/11/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
30	D1030	Phạm Thị Yến Nhi	12/02/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
31	D1031	Lê Nguyễn Phương Nhi	17/01/2004	Nữ	Hình họa	6.5	Trang trí	9.0	
32	D1032	Lê Thị Kiều Oanh	31/01/2004	Nữ	Hình họa	9.0	Trang trí	8.0	
33	D1033	Ngô Tấn Phát	27/10/2002	Nam	Hình họa	8.0	Trang trí	8.5	
34	D1034	Đông Ngọc Minh Phương	16/10/2003	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
35	D1035	Phan Thị Hoài Phương	02/06/1996	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	8.5	
36	D1036	Tôn Nữ Nhã Phương	13/04/2003	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
37	D1037	Doãn Đức Quý	18/10/2004	Nam	Hình họa	v	Trang trí	v	
38	D1038	Phạm Nhật Quang	16/03/2004	Nam	Hình họa	7.0	Trang trí	9.0	
39	D1039	Trần Phước Quân	04/01/2003	Nam	Hình họa	8.0	Trang trí	8.0	
40	D1040	Nguyễn Thanh Thúy Uyên	27/10/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	



Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi 1	Điểm NK1	Môn thi 2	Điểm NK2	Ghi chú
41	D1041 Nguyễn Thị Thu <b>Quyên</b>	13/06/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	7.5	
42	D1042 Nguyễn Khánh <b>Quyên</b>	08/12/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	8.0	
43	D1043 Lê Thị Diễm <b>Quỳnh</b>	01/01/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
44	D1044 Lê Thị Thảo <b>Tâm</b>	02/08/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	8.0	
45	D1045 Nguyễn Văn <b>Tâm</b>	24/01/2004	Nam	Hình họa	7.0	Trang trí	8.0	
46	D1046 Nguyễn Thị Thanh <b>Tâm</b>	13/12/2004	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	8.0	
47	D1047 Nguyễn Thị Ánh <b>Tuyết</b>	19/07/2004	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	9.0	
48	D1048 Phan Xuân Cát <b>Tường</b>	18/12/1995	Nam	Hình họa	8.0	Trang trí	9.0	
49	D1049 Nguyễn Thị Hoài <b>Thanh</b>	07/06/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
50	D1050 Nguyễn Long <b>Thành</b>	02/06/2004	Nam	Hình họa	6.5	Trang trí	6.5	
51	D1051 Trần Thị Phương <b>Thảo</b>	17/03/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
52	D1052 Hồ Nguyễn Thu <b>Thảo</b>	11/01/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
53	D1053 Lê Trương Mỹ <b>Thụy</b>	17/02/1993	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
54	D1054 Đặng Thị Bích <b>Trâm</b>	11/01/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	6.5	
55	D1055 Trần Nguyễn Ngọc <b>Trân</b>	14/03/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	8.5	
56	D1056 Trần Nguyễn Thiên <b>Trí</b>	28/10/2004	Nam	Tượng tròn	8.0	Phù diên	8.0	Điều khắc
57	D1057 Võ Thị Ngọc <b>Trinh</b>	28/03/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
58	D1058 Lê Vũ Thảo <b>Trinh</b>	18/03/2004	Nữ	Hình họa	7.0	Trang trí	8.0	
59	D1059 Hà Thị Phương <b>Uyên</b>	28/06/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
60	D1060 Nguyễn Hoàng Khánh <b>Vân</b>	17/03/2003	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	8.0	
61	D1061 Nguyễn Thị Thanh <b>Vân</b>	25/10/2004	Nữ	Hình họa	7.5	Trang trí	7.5	
62	D1062 Nguyễn Thị Thanh <b>Vân</b>	07/07/1993	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
63	D1063 Võ Thị Như <b>Ý</b>	14/05/2004	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	9.0	
64	D1064 Nguyễn Thị Tân <b>Yên</b>	27/12/2004	Nữ	Hình họa	8.0	Trang trí	7.5	
65	D1065 Hồ Thị <b>Yến</b>	16/07/2004	Nữ	Hình họa	v	Trang trí	v	
66	D1066 Lê Việt <b>Cầm</b>	17/05/1984	Nam	Tượng tròn	8.5	Phù điêu	8.5	Điều khắc
67	D1067 Võ Minh <b>Trí</b>	14/08/2004	Nam	Hình họa	7.5	Trang trí	8.5	
68	D1068 Nguyễn Thanh <b>Nguyên</b>	27/08/2004	Nam	Hình họa	7.5	Trang trí	8.5	
69	D1069 Hoàng Hương Ngọc <b>Lan</b>	29/08/2004	Nữ	Hình họa	8.5	Trang trí	9.0	

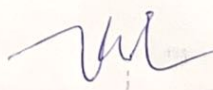
- Tổng số thí sinh theo danh sách: 69

Thư ký nhập điểm



Quách Hải Thọ

Thư ký đọc điểm



Huỳnh Văn Thông

Thừa Thiên Huế, ngày 17 Tháng 5 năm 2022

Trưởng Ban



Trương Quý Tùng